

Biểu 01-MN-CN

Ban hành theo Thông tư số
24/2018/TT-BGDĐT ngày
28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ
GD&ĐT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 6 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO
DỤC MẦM NON**

Kỳ cuối năm học
(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Sở GDĐT tỉnh.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Công lập	Tư thực	Dân lập
	A	B	C	1	2	3	4
I	Trường	trường	01				
1.1	Nhà trẻ	trường	02				
1.2	Trường mẫu giáo	trường	03				
1.3	Trường mầm non	trường	04				
1.4	Nhóm trẻ độc lập	cơ sở	05				
1.5	Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	06				
1.6	Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	07				
1.7	Số điểm trường	điểm	08				
II	Nhóm, lớp	nhóm, lớp	09				

2.1	Nhóm trẻ	nhóm	10				
2.2	Lớp mẫu giáo	lớp	11				
III	Trẻ em						
3.1	Quy mô trẻ	người	12				
3.1	Trẻ em nhà trẻ	người	13				
3.1	Trẻ em mẫu giáo	người	14				
	Trong đó:						
	- Trẻ em 5 đến 6 tuổi	người	15				
3.2	Tình trạng dinh dưỡng trẻ em						
3.2	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	16				
	Trong đó:						
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	17				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	18				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	19				
	- Trẻ thừa cân, béo phì	người	20				

3.2 .2.	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	21				
	Trong đó:						
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	22				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	23				
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	24				
	- Trẻ thừa cân, béo phì	người	25				
VI	Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	người	26				
4.1 .	Cán bộ quản lý	người	27				
4.1 .1.	Hiệu trưởng	người	28				
	- Hiệu trưởng nhà trẻ	người	29				
	- Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	30				
4.1 .2.	Phó Hiệu trưởng	người	31				
	- Phó Hiệu trưởng nhà trẻ	người	32				
	- Phó Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	33				
4.2 .	Giáo viên	người	34				

4.2 .1.	Giáo viên nhà trẻ	người	35				
	Chia theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp						
	- Tốt	người	36				
	- Khá	người	37				
	- Đạt	người	38				
	- Chưa đạt chuẩn	người	39				
4.2 .2.	Giáo viên mẫu giáo	người	40				
	Chia theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp						
	- Tốt	người	41				
	- Khá	người	42				
	- Đạt	người	43				
	- Chưa đạt chuẩn	người	44				
4.3	Giáo viên nghỉ hưu trong năm	người	45				
4.3 .1.	Giáo viên nhà trẻ	người	46				
4.3 .2.	Giáo viên mẫu giáo	người	47				
4.4 .	Giáo viên tuyển mới trong năm	người	48				
4.4 .1.	Giáo viên nhà trẻ	người	49				

4.4 .2.	Giáo viên mẫu giáo	người	50				
4.5 .	Nhân viên	người	51				
4.5 .1.	Nhân viên nhà trẻ	người	52				
4.5 .2.	Nhân viên mẫu giáo, mầm non	người	53				

Người lập biểu
Ký tên

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)